

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2018
V/v Ly hôn giữa bà H và ông L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:
Ông Danh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 136/2017/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, chia nợ chung của vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tùng L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi liên quan: Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện A.

Địa chỉ: Khu phố n, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện phòng giao dịch: Bà Võ Kim T. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2017 và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông L được hai gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2005 đến ngày 17/01/2006 thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do sau khi cưới được khoảng 02, 03 năm ông L thường xuyên bỏ nhà đi vài tháng mới quay về, khi vợ hỏi thì chỉ nói đi làm ăn nhưng tiền bạc không mang về cho vợ con trang trải sinh hoạt gia đình. Bà H đã rất mệt mỏi vì ông L thường quan hệ ngoại tình, cách nay 02 năm ông L đã bỏ nhà đi và hiện đang sống như vợ chồng với người khác. Thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra cự cãi, bất hòa. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên bà H xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Trung T, sinh ngày 17/6/2006 và cháu Lê Bích N, sinh ngày 01/12/2008 hiện đang sống với bà H. Trong đơn khởi kiện bà H có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng C Việt Nam, phòng giao dịch huyện A số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Bà H yêu cầu chia đôi số nợ trên, vợ chồng mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số nợ chung là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Vào ngày 16/6/2017, bà H có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu giải quyết về phần nợ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa hôm nay bà H tiếp tục xin ly hôn với ông L, xin được quyền nuôi hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Bị đơn ông Lê Tùng L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang - phòng giao dịch huyện A trình bày:

Bà Nguyễn Thị H đứng tên vay của Ngân hàng C tỉnh Kiên Giang – phòng giao dịch A hai món vay, món vay 3.000.000 đồng chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và món vay 15.000.000 đồng chương trình cho vay hộ cận nghèo. Hiện nay bà H đã tắt toán món vay 3.000.000 đồng. Riêng món vay 15.000.000 đồng bà H đã trả được 2.000.000 đồng hiện còn nợ 13.000.000 đồng, số nợ này chưa đến hạn trả nợ cuối cùng nên đại diện ngân hàng chính sách xã hội không có yêu cầu.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); giấy khai sinh cháu Lê Trung T và Lê Bích N (Bản sao); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng); đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự (Bản chính).

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Lê Trung T và cháu Lê Bích N có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Sau khi kết hôn bà H và ông L sống ở gia đình bên vợ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn ông L thường gây sự, cự cãi rồi đánh vợ. Từ năm 2015 ông L đã bỏ về sống ở nhà mẹ ruột ở ấp N xã Đ bỏ hai con lại cho bà H nuôi dưỡng mà không tới lui chăm sóc các con. Hiện nay các con chung của ông bà sống với mẹ cuộc sống sinh hoạt và học tập bình thường.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo quy định. Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H được ly hôn với anh L; Giao các con chung tên Lê Trung T

và Lê Bích N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H xin ly hôn với ông L, các đương sự đều có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự nên việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát là đúng với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Tùng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên Tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt ông L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đại diện ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang - phòng giao dịch huyện An vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung và chia nợ chung của vợ chồng. Việc rút một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia nợ chung của nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Bà H xin ly hôn với ông L và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, nợ chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và nợ chung của vợ chồng”.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thực hiện đăng lý kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại Ủy ban nhân dân xã Đ nên hôn nhân giữa bà H với ông L là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L vắng mặt đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà H, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân. Qua lời trình bày của bà H và kết quả xác minh từ địa phương có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng bởi vợ chồng thường xảy ra cự cãi, bất đồng, ông L có hành vi ngoại tình và bạo lực với vợ làm cho hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã tự ly thân thời gian khoảng hai năm, không còn quan tâm, chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống do đó mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H có nguyện vọng được nuôi các con chung không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con đồng thời hai cháu T, N có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Xét khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua kết quả xác minh từ chính quyền địa phương được biết từ khi ông L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống để lại hai con cho vợ nuôi, trong suốt thời gian qua không tới lui thăm nom, chăm sóc và phụ giúp vợ nuôi con, không thể hiện được trách nhiệm làm cha của mình; thời gian qua các con chung sống với mẹ, bà H tạo dựng cho các con có cuộc sống sinh hoạt, học tập bình thường, có nơi ăn chốn ở ổn định cho các cháu. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T và cháu N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con chung và của bà H là phù hợp với điều kiện thực tế. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết ông bà có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có, ông L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bà H xin rút lại yêu cầu chia nợ chung của vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia nợ chung của bà H.

Đại diện Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang – phòng giao dịch huyện A không yêu cầu Tòa án giải quyết phần dư nợ của bà H nên đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004193 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[5] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Tùng L.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Trung T, sinh ngày 17/06/2006 và cháu Lê Bích N, sinh ngày 01/12/2008 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết ông, bà có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Nguyễn Thị H.

4/ Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5/ Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia nợ chung của bà Nguyễn Thị H.

6/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004193 ngày 31/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

6/ Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 26/01/2018). Ông Lê Tùng L, Ngân hàng C Việt Nam chi nhánh tỉnh Kiên Giang – phòng giao dịch huyện A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thơm